| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HUỆ**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Bích Liên.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Tạ Hồng Trang.
Ông Nguyễn Tăng Gô.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Thanh Th - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02-7-2020).

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện Đ1, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 10-7-2020).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-4-2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh Th trình bày: bà Th và ông Nguyễn Văn Đ cưới nhau năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 03-5-2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ1, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ có hành vi bạo hành, ngược đãi bà Th và xúc phạm gia đình bên vợ.

Về hôn nhân: Bà Th yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm Ngân (sinh ngày 03-01-2013). Hiện con chung đang do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th yêu cầu ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-5-2020, ông Nguyễn Văn Đ khai thống nhất với bà Th về điều kiện kết hôn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th. Về con chung: Ông Đ yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Đặng Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ cư trú tại huyện Đ1, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Th và ông Đ vắng mặt tại phiên tòa và cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Th: bà Th và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 03-5-2012 tại UBND xã M, huyện Đ1, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà Th và ông Đ cùng khai do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau. Bà Th yêu cầu ly hôn và ông Đ cũng đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà Th và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Th có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm N (sinh ngày 03-01-2013). Hiện con chung đang do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th và ông Đ cùng yêu cầu ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung nên giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và không buộc bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông Đ cho rằng tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà Th và ông Đ đều cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh Th đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: bà Đặng Thị Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: ông Nguyễn Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Diễm N (sinh ngày 03-01-2013). Hiện con chung đang do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà Th và ông Đ được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0005044 ngày 28-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Trần Thị Bích Liên**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Đông (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.